

QUYẾT ĐỊNH CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tàichính trình Thủ tướng Chính phủ xử lý phần còn thiếu.

Điều 5. Thẩm quyền xử lý tổn thất bằng khoản dự phòng rủi ro:

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định xử lý các khoản tổn thất của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6. Nguyên tắc xử lý tổn thất bằng khoản dự phòng rủi ro:

- 1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý các khoản tổn thất đã có đủ bằng chứng hợp pháp tại thời điểm xử lý.*
- 2. Đối với các khoản tổn thất được xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị để xảy ra tổn thất vẫn phải có biện pháp tiếp tục thu hồi như đối với các khoản phải thu thông thường chưa được xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, trừ các khoản nợ do Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định xóa nợ cho các tổ chức tín dụng.*
- 3. Mọi khoản tiền thu hồi được từ tổn thất đã được xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro đều phải nộp về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Kế toán - Tài chính) để hạch toán vào thu nhập của Ngân hàng Nhà nước.*

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Hàng năm Vụ Kế toán - Tài chính thực hiện tính, trích và hạch toán vào tài khoản Chi lập quỹ dự phòng rủi ro để tạo nguồn xử lý các khoản tổn thất theo quy định.

Điều 8. Khoản dự phòng rủi ro được sử dụng để xử lý các tổn thất trong các trường hợp sau đây:

- 1. Các khoản tổn thất trước khi Luật Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành, gồm:**

Xóa nợ cho các doanh nghiệp vay Ngân hàng Nhà nước đã bị giải thể, phá sản, không còn khả năng thu hồi nợ.

Do trả thay trong bảo lãnh, tái bảo lãnh cho các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp vay vốn nước ngoài mà các đơn vị này đã bị giải thể, phá sản, không còn khả năng thu hồi nợ.

Các khoản phải thu đối với khách hàng (tổ chức, cá nhân) tham ô, lợi dụng đã có bằng chứng không có khả năng thu hồi.

2. Những khoản nợ được xóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nhưng không được Chính phủ cấp nguồn để bù đắp cho Ngân hàng Nhà nước.

3. Xóa nợ cho các tổ chức tín dụng vay Ngân hàng Nhà nước đã bị phá sản, giải thể, không còn khả năng thu hồi nợ.

4. Tổn thất do nguyên nhân khách quan trong khi thực hiện nghiệp vụ thanh toán.

5. Tổn thất do nguyên nhân khách quan trong quản lý về quỹ dự trữ ngoại hối, dự trữ vàng, tiền gửi ngoại tệ tại các ngân hàng nước ngoài do những nguyên nhân bất khả kháng như đất nước nơi Ngân hàng Nhà nước gửi tiền bị chiến tranh, khủng bố, phá sản, thiên tai.

6. Tổn thất do nguyên nhân khách quan trong công tác kiểm ngân và kho quỹ, gồm:

Trường hợp vận chuyển hàng đặc biệt trên đường có xảy ra sự cố như bị phá hoại, thiên tai, dịch họa. Kho tiền bị phá hoại, thiên tai, dịch họa.

7. Các khoản tổn thất không có khả năng thu hồi khác như: Các khoản cá nhân, tổ chức phải bồi hoàn theo kết luận của các cơ quan pháp luật, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước nhưng sau khi dương sự đã thực hiện việc bồi hoàn vẫn không có khả năng bồi hoàn đủ theo kết luận.

8. Các trường hợp khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Hội đồng xử lý tổn thất của Ngân hàng Nhà nước gồm các thành viên:

Một Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước - Chủ tịch Hội đồng.

Các thành viên Hội đồng:

Vụ trưởng Vụ Kế toán Tài chính- ủy viên thường trực.

Vụ trưởng Vụ Tín dụng.

Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát.

Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.

Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ phá sản và kho quỹ.

Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo.

Thủ trưởng đơn vị nơi để xảy ra tổn thất.

Điều 10. Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý tổn thất.

Ngay sau khi xảy ra các trường hợp tổn thất cần xử lý từ khoản dự phòng rủi ro, trên cơ sở báo cáo và kiến nghị của Thủ trưởng đơn vị nơi để xảy ra tổn thất, Hội đồng xử lý tổn thất lập phương án phân tích đánh giá các khoản nợ, các khoản tổn thất.